

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 09 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

1. Tên nhiệm vụ, mã số

Tên nhiệm vụ: Sản xuất thử nghiệm giống nguồn gen cá diá (*Siganus guttatus*);

Mã số: NVQG-2019/DA.18

Thuộc:

- Chương trình (tên, mã số chương trình):

- Khác (ghi cụ thể):

2. Mục tiêu nhiệm vụ

2.1. Mục tiêu chung

Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống cá diá nhằm phát triển nguồn gen thủy sản giá trị kinh tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất giống cá diá với các chỉ tiêu: Tỷ lệ thành thực cá bố mẹ đạt $\geq 70\%$; tỷ lệ đẻ $\geq 70\%$; tỷ lệ thụ tinh $\geq 80\%$; tỷ lệ nở $\geq 90\%$; tỷ lệ sống từ giai đoạn cá bột đến cá hương $\geq 5\%$; từ cá hương lên cá giống $\geq 70\%$;

- Có 3 mô hình sản xuất giống cá diá: quy mô 100.000 cá giống/mô hình/năm, kích thước cá giống ≥ 3 cm/con. Tỷ lệ thành thực cá bố mẹ đạt $\geq 70\%$; tỷ lệ đẻ $\geq 70\%$; tỷ lệ thụ tinh $\geq 80\%$; tỷ lệ nở $\geq 90\%$; tỷ lệ sống từ giai đoạn cá bột đến cá hương $\geq 5\%$; từ cá hương lên cá giống $\geq 70\%$;

- Cá diá bố mẹ 900 con (≥ 500 g), tỷ lệ đực cái: 1:1; cá diá hậu bị 600 con (≥ 200 g/con); cá diá giống 600.000 con, kích thước ≥ 3 cm/con; công bố tạp chí khoa học chuyên ngành và đào tạo sau đại học.

3. Chủ nhiệm vụ: PGS.TS Nguyễn Quang Linh

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế

5. Tổng kinh phí thực hiện: 8.300 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 3.800 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 4.500 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: 09/2019

Kết thúc: 08/2022

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có):
 Được gia hạn đến hết 08/2023 (Quyết định số 1513/QĐ-BKH&CN ngày 15/8/2022 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia “Sản xuất thử nghiệm giống nguồn gen cá di (Siganus guttatus)”, mã số: NVQG-2019/DA.18.

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN
1	Nguyễn Quang Linh	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	Chủ nhiệm
2	Trần Vinh Phương	Ban KH&CN & QHQT, Đại học Huế	Thư ký khoa học
3	Nguyễn Duy Quỳnh Trâm	Khoa Thủy sản, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	Thành viên chính
4	Nguyễn Văn Huy	Khoa Thủy sản, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	Thành viên chính
5	Nguyễn Duy Thuận	Khoa Kỹ thuật và Công nghệ - Đại học Huế	Thành viên chính
6	Trần Nguyên Ngọc	Khoa Thủy sản, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	Thành viên
7	Trần Thị Bách Thảo	Ban TCCB, Đại học Huế	Thành viên
8	Nguyễn Xuân Huy	Ban KH&CN & QHQT, Đại học Huế	Thành viên
9	Phan Toàn	Công ty TNHH TTM Thương mại Thủy sản Quốc Thắng	Thành viên
10	Bùi Nguyên Bình	Công ty TNHH KH&CN Thanh Bình	Thành viên

Các thành viên không chính thức được cơ quan quản lý cho phép tham gia:

1	Phạm Thị Hải Yến	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	KTV/ NVHTT
2	Nguyễn Khoa Huy Sơn	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	KTV/ NVHTT
3	Hà Thị Huệ	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	KTV/ NVHTT
4	Lê Thị Thu An	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	KTV/ NVHTT

5	Lê Tiến Hữu	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	KTV/ NVHTT
6	Võ Đức Nghĩa	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	KTV/ NVHTT
7	Trần Thị Thu Sương	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	KTV/ NVHTT
8	Hồ Thị Tùng	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	KTV/ NVHTT
9	Lê Minh Tuệ	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	KTV/ NVHTT
10	Hoàng Thị Ngọc Hân	Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế	KTV/ NVHTT
11	Nguyễn Thị Diễm	Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế	KTV/ NVHTT
12	Thân Thị Mỹ Linh	Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế	KTV/ NVHTT
13	Trần Văn Cư	Công ty TNHH TTM Thương mại Thủy sản Quốc Thắng	KTV/ NVHTT

II. NỘI DUNG TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Về sản phẩm khoa học

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1	Quy trình công nghệ sản xuất giống cá di		x			x			x	
2	03 mô hình sản xuất giống cá di		x			x			x	
3	Cá di bố mẹ 900 con (\geq 500g), tỷ lệ đực cái: 1:1			x (do nuôi lưu giữ dài ngày, thời tiết nắng nóng kéo dài, nước nuôi ô nhiễm nặng, cá nuôi nhiễm bệnh dẫn đến hao hụt về số lượng từ 25/8/2023 đến nay)		x			x	
4	Cá di hậu bị 600 con (\geq 200g)					x			x	

5	Cá giống 600.000 con, kích thước \geq 3 cm/con		x						x
6	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành: 02	x							x
7	Tham gia đào tạo 01 thạc sĩ (bảo vệ thành công) hoặc 01 nghiên cứu sinh (chỉ thực hiện chuyên đề)	x							x

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1	0	0	0	0
...				

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

SỐ T	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1	0	0	0	0
...				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ

Lần đầu, Dự án ứng dụng kỹ thuật gây màu nước trong ao nuôi, tạo nguồn thức ăn tự nhiên trong ao ương từ giai đoạn cá bột sau khi nở (có tảo đơn bào, Copepoda và luân trùng), kết hợp việc bổ sung luân trùng nuôi sinh khối vào ao ương cá bột, tạo thức ăn có sẵn như tự nhiên để ương cá địa bột lên cá hương.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ

3.1. Hiệu quả kinh tế

Dự án đã xây dựng thành công 03 mô hình sản xuất giống cá địa góp phần chủ động nguồn giống cá trong việc sản xuất giống phục vụ phát triển nghề nuôi cá nước lợ có giá trị ở khu vực ven biển Thừa Thiên Huế và lân cận, làm tăng hiệu quả nuôi cá địa thương phẩm giúp cải thiện đời sống, tăng thu nhập cho người dân vùng đầm phá. Khi tính toán về hiệu quả kinh tế trong việc sản xuất giống cá địa thời điểm từ 2019 – 2022 ở Thừa Thiên Huế, trong khuôn khổ Dự án gặp khó khăn. Lý do: 1) chi phí đầu vào cho việc sản xuất giống cao bao gồm cả chi phí ương nuôi cá bột, nuôi sinh khối thức ăn, chi phí nuôi cá bố mẹ và duy trì đàn cá trong thời gian khá dài do lụt năm 2020 hao hụt đàn cá hậu bị, cá bố mẹ lớn. Nhiệt độ nước và biến đổi khí hậu năm 2021 – 2023 diễn biến bất thường; 2) sự cạnh tranh giá thành với nguồn cá giống được người dân khai thác từ tự nhiên trong 3 năm qua trôi nổi dẫn đến giá cá giống xuống thấp 1.500 đ/con so với dự toán 2018 là 5000 – 7000 đ/con; 3) tỷ lệ sống của cá bột lên cá hương đạt trung bình 5% do rơi vào giai đoạn dịch bệnh COVID – 19 nên việc túc trực thường xuyên, giao tiếp trong các cơ sở sản xuất giống bị gián đoạn, khó khăn, cơ sở sản xuất giống bị địa phương sử dụng cách ly công dân; 4) sản xuất cá giống còn phụ thuộc rất nhiều vào mùa vụ sinh sản của cá địa theo mùa trăng, vậy nên chỉ sản xuất từ tháng 4 – 7 hàng năm, thời điểm đó nhiệt độ cao ở Thừa Thiên gây khó khăn cho sản xuất giống thành công khi tạo nguồn thức ăn tươi sống trong ao theo kiểu tự nhiên.

3.2. Hiệu quả xã hội

Xây dựng thành công quy trình sản xuất giống cá địa và triển khai được các mô hình sản xuất trong điều kiện bán nhân tạo, không những góp phần trong việc giúp chủ động cung cấp nguồn giống cá địa cho người dân mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nghề nuôi thủy sản nước lợ mặn một cách bền vững và nâng cao sản phẩm có chất lượng cho xã hội.

Khẳng định với xã hội rằng, chúng ta sản xuất được giống cá địa thành công và đó là giống cá biển khó khăn nhất từ trước tới nay, chưa có cơ sở nào thành công về sản xuất giống cá này. Thông qua, có cá giống chủ động việc phát triển chuỗi giá trị cá địa sẽ tiếp tục khẳng định, tạo cơ hội việc làm thu nhập cho người dân.

III. TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

Giải thích lý do:.....

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)



PGS.TS Nguyễn Quang Linh

**THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)



PGS.TS. Trương Thị Hồng Hải

